TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày 18-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng H1

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 18-8-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 11-01-2022, về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng H1, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 08-7-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 28-7-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn M; nơi cư trú: Thôn VQ, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Đồng bị đơn:* Vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th; cùng nơi cư trú: Cụm 5, thôn HTr, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Văn H1; nơi cư trú: Cụm 4B, thôn HTr, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên hòa giải nguyên đơn là anh Lê Văn M trình bày:

Ngày 13-6-2019, anh có bán cho vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Thỏa 20.357m^3 gỗ lim hộp Nam Phi với giá 24.500.000 đồng/m^3, tổng giá trị là 498.746.000 (Bốn trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng. Khi mua bán có phiếu xuất hàng, cộng với số tiền 3.900.000 (Ba triệu chín trăm nghìn) đồng tiền mua gỗ nợ từ trước, vợ chồng anh H, chị Thỏa phải thanh toán cho anh tổng số tiền 502.646.000 (Năm trăm linh hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng, anh H đã ký, ghi rõ họ tên chỗ khách hàng. Khi mua bán, anh và vợ chồng anh H đã thỏa thuận về cách thức thanh toán tiền như sau: Khi nhận gỗ vợ chồng anh H sẽ thanh toán 50% số tiền hàng, số tiền hàng còn lại sẽ thanh toán trong vòng một tháng. Anh đã bàn giao đủ số lượng gỗ cho vợ chồng anh H như đã thỏa thuận. Sau khi nhận hàng, anh H đã thanh toán cho anh số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng, cụ thể: Ngày 30-6-2019 anh H trả anh 70.000.000 đồng; ngày 10-7-2019 anh H trả anh 20.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh H, chị Thỏa không thanh toán tiền lần nào cho anh nữa. Do vợ chồng anh H, chị Thỏa không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên anh và vợ chồng anh H, chị Thỏa đã lập Giấy biên nhận nợ tiền mua gỗ còn lại là 412.646.000 (Bốn trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng và thỏa thuận vợ chồng anh H, chị Thỏa sẽ thanh toán 100.000.000 đồng vào ngày 25-8-2019, số tiền còn lại sẽ thanh toán trong tháng 9,10,11 năm 2019 mỗi tháng trả 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng anh H, chị Thỏa vẫn không thanh toán số tiền mua bán gỗ cho anh như đã cam kết. Ngày 25-7-2019, anh đến nhà anh H, chị Th để yêu cầu anh H, chị Th thanh toán số tiền còn nợ thì anh và anh H đã thỏa thuận anh lấy lại 1,6m^3 gỗ tồn do anh H chưa bán hết, trị giá 1,6m^3 x 24.500.000 đồng/m^3, thành tiền 39.200.000 đồng. Đến ngày 15-8-2020, anh Phạm Văn H1 là anh ruột của anh Phạm Văn H đã trả hộ anh H, chị Th số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng cho anh. Tổng cộng đến nay, vợ chồng anh H, chị Thỏa còn nợ anh số tiền 323.446.000 đồng. Nay, anh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Thỏa phải trả cho anh số tiền còn nợ mua gỗ là 323.446.000 (Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 26-8-2020 đến nay với mức lãi suất 10%/năm.

- Đồng bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án nhưng tại đơn trình bày ngày 16-3-2022 , Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 01-7-2022, chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị không biết việc mua bán gỗ giữa chồng chị là anh Phạm Văn H với anh Lê Văn M vì chị không biết gì về gỗ, việc mua bán gỗ là do chồng chị anh Phạm Văn H quyết định tất cả. Tuy nhiên, anh Lê Văn M có đến nhà chị để đòi tiền gỗ anh H, ngày 13-6-2019 anh M đến gia đình chị và yêu cầu vợ chồng chị ký vào giấy biên nhận tiền mua gỗ. Do anh H ký và do ít hiểu biết pháp luật nên chị đã ký vào giấy biên nhận ở sổ của anh M. Nay, anh M yêu cầu vợ chồng chị thanh toán số tiền 323.446.000 đồng tiền mua gỗ còn nợ và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 26-8-2020, chị không đồng ý.

Người làm chứng là anh Phạm Văn H1 trình bày: Tháng 8/2020 anh có cho vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị Th vay 50.000.000 (Năm mươi

triệu) đồng để trả một phần tiền gỗ cho anh Lê Văn M ở Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng; khi trả anh M có viết giấy xác nhận anh có trả hộ vợ chồng anh H, chị Th số tiền 50.000.000 đồng. Việc vay tiền giữa anh và vợ chồng anh H chị Th không lập thành biên bản, không liên quan gì tới anh M, việc vay nợ này anh tự giải quyết với vợ chồng anh H, chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết và đề nghị không đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 đồng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đồng bị đơn và nguyên đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 351, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019 với tổng số tiền là 387.595.326 (Ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi sáu) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 323.446.000 đồng; nợ lãi chậm trả là 64.149.326 đồng. Về án phí: Vợ chồng anh H, chị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Lê Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phải trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng H1 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng của Toàn

án hợp lệ nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Tại phiên tòa lần 2 đồng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn và nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Ngày 13-6-2019 giữa anh Lê Văn M với anh Phạm Văn H có Th thuận với nhau về việc mua bán gỗ với nội dung: Anh M bán cho anh H 20.357m^3 gỗ lim hộp Nam Phi với giá 24.500.000 đồng/m^3, thành tiền là 498.746.000 đồng, cộng với số tiền 3.900.000 đồng tiền mua gỗ nợ từ trước. Tổng số tiền anh H phải thanh toán cho anh M là 502.646.000 đồng. Anh H đã trả được cho anh M số tiền là 179.200.000 đồng (Bao gồm cả số tiền 50.000.000 đồng anh Phạm Văn H1 trả hộ), số nợ còn lại là 323.446.000 đồng. Số tiền nợ này cũng đã được chị Th (vợ anh H) ký nhận nợ với anh M, nên việc chị Th cho rằng chị không biết việc anh H mua bán gỗ với anh M và không liên quan gì tới chị là không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, tại thời giao dịch mua bán gỗ giữa anh Lê Văn M với vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th đã được Th thuận trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Do đó, Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019 giữa anh Lê Văn M với vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th đã có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[4] Thực hiện Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019 anh Lê Văn M đã giao cho vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th 20.357m^3 gỗ lim hộp Nam Phi với tổng giá trị là 498.746.000 đồng (Có phiếu xuất hàng) cộng với số tiền 3.900.000 (Ba triệu chín trăm nghìn) đồng tiền mua gỗ nợ từ trước, vợ chồng anh H, chị Thỏa phải thanh toán cho anh tổng số tiền 502.646.000 đồng. Anh H chị Th đã thanh toán được cho anh M tổng số tiền là 179.200.000 đồng, số tiền còn lại là 323.446.000 đồng đến nay chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các Th thuận trong hợp đồng mua bán gỗ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn M buộc vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền 323.446.000 đồng còn nợ của Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về lãi suất chậm trả: Trong hợp đồng mua bán gỗ các bên không Th thuận về lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì việc anh M yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh H, chị Th phải trả số tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính từ ngày 26-8-2020 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã bổ sung anh Phạm Văn H1; nơi cư trú: Cụm 4B, thôn HTr, xã VQ, huyện VB, thành

phố Hải Phòng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, anh Phạm Văn H1 đã khẳng định không có liên quan gì tới vụ án, việc anh cho vợ chồng anh H, chị Th vay số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ cho anh M là việc riêng của anh H1 với vợ chồng anh H, anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết và đề nghị Toà án không đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh Phạm Văn H1; nơi cư trú: Cụm 4B, thôn HTr, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[7] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18-8-2022, vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th còn nợ và phải trả cho anh Lê Văn M tổng số tiền của Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019 và số tiền gỗ nợ cũ là 387.595.326 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 323.446.000 đồng; 10% nợ lãi chậm trả là: 64.149.326 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn M được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho anh Lê Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 351, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn M.

Buộc vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th phải trả cho anh Lê Văn M số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán gỗ ngày 13-6-2019 và số tiền nợ cũ với tổng số tiền là 387.595.326 (Ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi sáu) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 323.446.000 đồng; nợ lãi chậm trả là 64.149.326 đồng.

Kể từ ngày anh Lê Văn M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.379.766 đồng (Mười chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Trả lại cho anh Lê Văn M 9.000.000 (Chín triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu số 0002172 ngày 11-01-2022.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn M và vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh